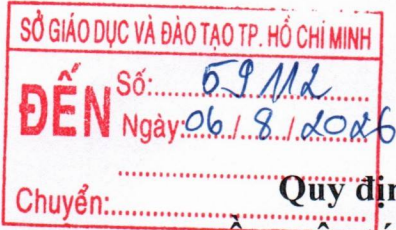


BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 112 /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2026



THÔNG TƯ

Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 249/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 (sau đây gọi là Chương trình) được phê duyệt tại Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

b) Đối với các khoản tài trợ, viện trợ thuộc ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về nội dung, mức chi thì áp dụng theo nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này;

c) Đối với các hoạt động, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia có lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP được áp dụng quy định tại Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

d) Thông tư này không áp dụng đối với:

- Các khoản tài trợ, viện trợ thuộc ngân sách nhà nước đã có hướng dẫn riêng của cấp có thẩm quyền về chế độ chi tiêu tài chính;

- Các nội dung hoạt động của các dự án, tiểu dự án, nội dung, nội dung thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

Điều 2. Kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước và nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện Chương trình

1. Ngân sách trung ương:

a) Bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương để thực hiện nhiệm vụ được giao của Chương trình;

b) Bổ sung có mục tiêu cho các địa phương để triển khai các nhiệm vụ, hoạt động thuộc dự án và tiểu dự án thành phần của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 1888/QĐ-BGDDT, Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình và quyết định bổ sung của cấp thẩm quyền.

2. Ngân sách địa phương

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế hằng năm, các địa phương chủ động bố trí kinh phí chi sự nghiệp nguồn ngân sách địa phương, nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương (nếu có) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện có hiệu quả các nội dung, nội dung thành phần của Chương trình trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 1888/QĐ-BGDDT và Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.

3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên

a) Việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần của Chương trình bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật chuyên ngành có liên quan; bảo đảm đúng quy định tại Điều 4 Nghị định 358/2025/NĐ-CP;

Các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn từ kinh phí chi thường xuyên, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

b) Trường hợp cùng một đối tượng, cùng một địa bàn hoặc cùng một dự án, mô hình đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ có cùng nội dung thì được lựa chọn áp dụng chính sách có mức hỗ trợ cao nhất; không thực hiện hỗ trợ, quyết toán trùng lặp cùng một nội dung từ nhiều nguồn kinh phí ngân sách nhà nước. Việc huy động, lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện Chương trình phải bảo đảm không làm trùng lặp đối tượng, nhiệm vụ chi hoặc vượt định mức, tiêu chuẩn hỗ trợ theo quy định, bảo đảm đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Kinh phí chi thường xuyên của Chương trình không sử dụng để thanh toán đối với các nội dung chi, sản phẩm, dịch vụ đã được ngân sách nhà nước bảo đảm theo nhiệm vụ chi thường xuyên khác hoặc đã được thanh toán từ nguồn kinh phí hợp pháp khác. Trường hợp nguồn kinh phí khác chỉ thanh toán một phần cho nội dung thuộc phạm vi, đối tượng, nhiệm vụ của Chương trình, thì kinh phí Chương trình chỉ hỗ trợ phần còn lại theo dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm không trùng lặp, không vượt định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành;

d) Mức chi thực hiện các nội dung, nội dung thành phần của Chương trình thực hiện theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan

nhà nước có thẩm quyền quy định, theo quy định pháp luật đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Đối với các nội dung đặc thù riêng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước;

đ) Các cơ quan, đơn vị chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ của Chương trình xem xét, quyết định áp dụng đấu thầu mua sắm tập trung theo thẩm quyền đối với các hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Chương trình, bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Điều 53 và Điều 54 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, các văn bản hướng dẫn và quy định của pháp luật có liên quan;

e) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ quyết định việc chi tiêu trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về quyết định của cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT và Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg; văn bản hướng dẫn của các cơ quan chủ Chương trình; văn bản hướng dẫn của các bộ, cơ quan được phân công chủ trì Nội dung, Nội dung thành phần; quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật liên quan.

Các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện từng nhiệm vụ thuộc dự án thành phần của Chương trình chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước hiệu quả gắn với kết quả đầu ra, tránh thất thoát, lãng phí. Các nội dung, nhiệm vụ, hoạt động thuộc Chương trình đã được quyết toán từ nguồn kinh phí của các chương trình, đề án, dự án khác thì không được quyết toán từ nguồn kinh phí của Chương trình.

2. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán (Bên A) ký hợp đồng với các cơ quan, đơn vị khác thực hiện (Bên B) theo quy định của pháp luật, tài liệu làm căn cứ thanh toán, quyết toán được lưu tại Bên A gồm: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, văn bản đề nghị thanh toán kinh phí của Bên B, ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác. Các hóa đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do Bên B trực tiếp thực hiện lưu giữ theo quy định hiện hành. Bên B có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã ký kết, trực tiếp sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật. Đối với Bên B là các Hợp tác xã, cộng đồng không phải cơ quan Nhà nước, hồ sơ sao lưu cho Bên A giữ một bản để tránh trường hợp thất lạc chứng từ trong quá trình lưu trữ hồ sơ.

3. Việc thanh toán các khoản chi thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia qua Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Luật Ngân

sách nhà nước số 89/2025/QH15, Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Khoa học Nhà nước, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHUNG

Điều 4. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người được cử tham gia lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực

1. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

2. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán Chương trình của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (bao gồm cả chi hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, tiền thuê chỗ nghỉ cho người được cử tham gia lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (sau đây gọi là học viên).

Trường hợp dự toán được giao cho cơ quan, đơn vị chủ trì đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực không bảo đảm để chi trả chi phí tiền ăn, đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho học viên thì cơ quan, đơn vị chủ trì đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, triệu tập) để cơ quan, đơn vị cử học viên thanh toán các khoản chi phụ cấp lưu trú, đi lại, tiền thuê phòng nghỉ theo quy định.

Điều 5. Chi công tác phí; chi hội nghị, hội thảo

1. Chi công tác phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Chi hội nghị, hội thảo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và các quy định sau:

a) Chi thuê địa điểm, hội trường (trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có địa điểm phải thuê hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu tham dự) và các trang thiết bị đi kèm; chi tài liệu, văn phòng phẩm, nước uống, thuốc y tế thông thường phục vụ hội nghị, hội thảo: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC. Tùy tình hình thực tế và trong phạm vi dự toán được giao, thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, tư

vấn, nói chuyện chuyên đề quyết định hỗ trợ phụ cấp tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên;

c) Chi biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chương trình theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi khen thưởng thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật có liên quan;

d) Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Chi thông tin, tuyên truyền; phổ biến giáo dục pháp luật

Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn vốn sự nghiệp chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 (giai đoạn 1 từ năm 2025 đến năm 2030).

Điều 7. Chi xây dựng, in ấn tài liệu, cẩm nang, sổ tay

Chi xây dựng, in ấn cẩm nang, sổ tay hướng dẫn; sổ tay nghiệp vụ và các loại sổ, sách, tài liệu khác phục vụ hoạt động của Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được giao. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tự biên soạn cẩm nang, sổ tay hướng dẫn; sổ tay nghiệp vụ và các loại sổ, sách, tài liệu khác thì được hỗ trợ theo mức chi xây dựng, biên soạn tài liệu phục vụ các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn có thời gian dưới 05 ngày quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC.

Điều 8. Chi khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

1. Việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của Chương trình cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số thuộc Chương trình do cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao; trong đó không sử dụng kinh phí thuộc Chương trình để thực hiện các nhiệm vụ đã được bố trí kinh phí từ nguồn chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (bao gồm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

2. Chi khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ hoạt động chuyên môn các nội dung thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ

trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các văn bản hướng dẫn và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chi ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số thực hiện theo quy định tại Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15, Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật chuyển đổi số, các văn bản hướng dẫn và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Chi dịch thuật và hiệu đính tài liệu phục vụ hoạt động chuyên môn thuộc Chương trình

1. Chi thuê phiên dịch (dịch nói)

a) Chi thuê phiên dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

b) Chi thuê phiên dịch từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: Mức tiền công áp dụng bằng mức chi thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Chi biên dịch và hiệu đính tài liệu

a) Chi biên dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại: Mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2026/TT-BTC;

b) Chi biên dịch từ tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt và ngược lại: Mức chi áp dụng bằng mức chi biên dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC;

c) Chi hiệu đính tài liệu: Mức chi bằng 40.000 đồng/trang (350 từ).

3. Trường hợp các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ của các cơ quan, đơn vị để tham gia công tác dịch và hiệu đính tài liệu thì được thanh toán tối đa bằng 50% mức chi thuê ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 10. Chi thuê chuyên gia

1. Chi thuê chuyên gia trong nước và tổ chức tư vấn độc lập phục vụ hoạt động chuyên môn: Căn cứ vào mức độ cần thiết triển khai hoạt động và dự toán ngân sách được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động quyết định việc thuê chuyên gia trong nước hoặc tổ chức tư vấn độc lập. Mức chi thuê

chuyên gia trong nước thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 7/2026/TT-BNV ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026) hoặc quy định tại Nghị định số 173/2025/NĐ-CP về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức và Thông tư số 144/2025/TT-BTC hướng dẫn bố trí nguồn kinh phí, lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi thuê chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đáp ứng tiêu chí chuyên gia: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 11. Chi điều tra, khảo sát, thống kê

1. Chi điều tra, khảo sát, thống kê các nội dung chuyên môn thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

2. Đối với chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, áp dụng quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

Điều 12. Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; sơ kết, tổng kết; chi chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước

1. Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước; sơ kết, tổng kết: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

2. Chi tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

3. Chi chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

Điều 13. Chi vận chuyển hàng hóa, trang thiết bị, vật tư, gửi thông báo

1. Gửi thông báo kết quả; vận chuyển bằng các phương tiện công cộng: Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải công cộng tại địa phương.

2. Gửi thông báo kết quả; vận chuyển bằng dịch vụ bưu chính: Mức hỗ trợ theo giá dịch vụ bưu chính hiện hành.

3. Thuê phương tiện vận chuyển (nếu cần thiết) theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Trường hợp tự túc phương tiện, tự di chuyển bằng đường bộ: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung. Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hóa, trang thiết bị, vật tư trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định nêu trên.

Điều 14. Chi thuê người dẫn đường

Chi thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc hoặc ngôn ngữ ký hiệu, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc hoặc ngôn ngữ ký hiệu: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

Điều 15. Chi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn từ nguồn chi thường xuyên

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 16. Chi xây dựng mô hình

1. Xây dựng mô hình theo quyết định của cấp có thẩm quyền

a) Chi điều tra, khảo sát, sưu tầm, thống kê (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

b) Chi xây dựng các báo cáo chuyên đề khoa học và xây dựng mô hình. Nội dung chi theo quy định tại các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030, mức chi thực hiện theo Nghị định số 265/2025/NĐ-CP;

c) Chi mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tài liệu, tư liệu, số liệu, phần mềm, công nghệ phục vụ xây dựng mô hình. Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao và quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 3 Thông tư này và pháp luật về công nghệ thông tin;

d) Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học: Nội dung và mức chi áp dụng theo Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện mô hình: Theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Triển khai và nhân rộng mô hình

a) Chi tập huấn về mô hình theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

b) Chi thực hiện mô hình theo hướng dẫn tại các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 và theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Chi đi thực tế, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng và phát huy mô hình, liên hoan, tổ chức hội thi, triển lãm, trưng bày. Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và quy định tại Thông tư này.

3. Truyền thông về xây dựng, triển khai và nhân rộng mô hình: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 17. Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá và quản lý Chương trình

1. Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá, xây dựng bộ chỉ tiêu, chỉ số để thống kê, giám sát, đánh giá việc triển khai các nội dung, nội dung thành phần, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, Thông tư số 140/2025/TT-BTC, Thông tư số 35/2026/TT-BTC, Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

2. Chi khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chương trình

a) Chi khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

b) Chi mua hiện vật, kỷ niệm chương, giấy khen, bằng chứng nhận và chi hậu cần khác phục vụ cuộc thi, liên hoan: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các nhiệm vụ chi khác (nếu có)

Mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và theo thực tế phát sinh được cấp có thẩm quyền quyết định.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2026.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị được giao dự toán chi Chương trình quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và quy định tại Thông tư này; báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp để tổng hợp báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức

hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này bảo đảm thực hiện có hiệu quả các chương trình.

Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Kho bạc nhà nước các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTN. (425..bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Lê Tấn Cận